TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2023
"Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đăng Đông và ông Nhữ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị May** - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà **Ngô Thị Quế** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Toà án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1994.

HKTT: Thôn S, xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh **Đào Văn Q**, sinh năm 1989.

HKTT: Thôn N, xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh Q vắng mặt tại phiên toà có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai - chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Đào Văn Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/7/2012 tại UBND xã T, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh Q tại thôn N, xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không có trách nhiệm với gia đình, không tu chí làm ăn phát triển kinh tế, một mình chị phải gánh vác lo toan mọi công việc trong gia đình. Mặt khác, anh Q là người gia trưởng, vũ phu, không biết yêu thương trân trọng vợ con, anh Q thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu say rồi chửi, đánh chị. Chị đã nhẫn nhịn chịu đựng và cùng hai bên gia đình nhiều lần tham gia góp ý nhưng anh Q không thay đổi. Anh Q ngày càng sa đà rượu chè, cờ bạc thậm chí còn sử dụng chất cấm và đánh, chửi chị trong một thời gian khá dài. Do cuộc sống căng thẳng, áp lực và tình cảm vợ chồng bị rạn nứt,

không có hạnh phúc nên chị đã về gia đình bố mẹ đẻ ở từ năm 2015 đến nay không quay lại chung sống cùng anh Q nữa. Trong thời gian ly thân giữa chị và anh Q không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn cuộc sống chung.

Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Q đã căng thẳng, kéo dài không thể hàn gắn, níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

Chị và anh Q có 2 con chung là Đào Chúc L, sinh ngày 11/10/2012 và Đào Thanh T1, sinh ngày 23/10/2014 hiện đang ở cùng anh Q. Thời điểm chị về gia đình bố mẹ đẻ cũng muốn mang theo hai con để nuôi dưỡng, nhưng anh Q không đồng ý và cương quyết giữ hai cháu lại nên chị để hai con ở cùng anh Q cho đến nay. Chị xác định các con sinh sống ổn định cùng anh Q và các cháu phát triển bình thường, sức khỏe tốt nên chị không muốn làm xáo trộn cuộc sống của các con. Chị đồng ý để anh Q tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 2.000.000đ/1 con chung/1 tháng, kể từ tháng 4/2023 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành; phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn - anh Đào Văn Q trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng.

Anh xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vẫn có thể khắc phục được. Anh thừa nhận bản thân có mải chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình và do không làm chủ được bản thân nên đã sa vào tệ nạn xã hội và đã vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án.

Năm 2016, chị T đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở không quay lại chung sống cùng anh, anh có đến tìm nhưng chị T không về nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay, chị T làm đơn ly hôn, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, níu kéo, anh nhất trí ly hôn, tuy nhiên anh không muốn gặp mặt chị T và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Anh và chị T có hai con chung như chị T trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh xin nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, anh cam kết đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con. Anh biết chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000đ/1 con chung/1 tháng, kể từ tháng 4/2023 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành; phương thức cấp dưỡng hàng tháng, anh nhất trí.

Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, Thư ký, của chị T cơ bản tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự; Anh Q vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đào Văn Q.

- Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Đào Chúc L, sinh ngày 11/10/2012 và Đào Thanh T1, sinh ngày 23/10/2014 cho anh Q trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi mỗi con chung trưởng thành, 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi một con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng, hai con chung là 4.000.000 đồng/1 tháng; phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng: kể từ tháng 4/2023 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản: Chị T, anh Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T là nguyên đơn, anh Đào Văn Q là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị T, anh Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Giang ngày ngày 25/7/2012 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống; anh Q thiếu trách nhiệm với bản thân và gia đình, thậm chí còn sa vào tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị T đã về

nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2015, vợ chồng ly thân từ đó không còn quan tâm đến nhau. Chị T xin ly hôn, anh Q đồng ý.

Xét mâu thuẫn giữa chị T, anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Q phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T, anh Q có hai con chung Đào Chúc L, sinh ngày 11/10/2012 và Đào Thanh T1, sinh ngày 23/10/2014 hiện đang ở cùng anh Q. Anh Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, anh cam kết đảm bảo quyền lợi của con chung. Chị T xác định các con đang ở ổn định cùng anh Q và đều phát triển tốt, chị không muốn làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các con nên chị nhất trí để anh Q nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/1 tháng/1 con chung, kể từ tháng 4/2023 đến khi mỗi con chung trưởng thành, 18 tuổi. Anh Q nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con do chị T đề xuất.

Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với tâm tư nguyện vọng của con chung nên chấp nhận giao hai con chung Đào Chúc L, sinh ngày 11/10/2012 và Đào Thanh T1, sinh ngày 23/10/2014 cho anh Q nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng nuôi một con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng, hai con chung là 4.000.000 đồng/1 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng kể từ tháng 4/2023 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị T, anh Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án ly hôn sơ thẩm và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đào Văn Q.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Đào Văn Q trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Đào Chúc L, sinh ngày 11/10/2012 và Đào Thanh T1, sinh ngày 23/10/2014 (Hai con chung đang ở cùng anh Q) đến khi mỗi con chung trưởng thành, 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị T cấp dưỡng nuôi một con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng, hai con chung là 4.000.000 đồng/1 tháng; phương thức cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 4/2023 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi anh Đào Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Phạm Thị T chậm thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự.

3- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002278 ngày 06/02/2023. Chị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

4- Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Quyên